TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2018/KDTM-ST
Ngày: 30-7-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Kim Triều

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân Quận 1 tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2013/TLST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2013 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3043/2018/QĐXXST- KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 3360/2018/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Bá S, trú tại: đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 7 năm 2017).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C

Địa chỉ: đường G, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Quách Thọ N, trú tại: đường J, Phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 5 năm 2013 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- Ngân hàng TMCP K- Có ông Phạm Bá S- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Vào các ngày 02/7/2009 và ngày 17/7/2009, Ngân hàng TMCP K (Gọi tắt là Ngân hàng) đã ký với Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C (Gọi tắt là Công ty C) hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 75211/HĐTD/TH-PN/TCB-Phú Lâm (Gọi tắt là hợp đồng 75211), hợp đồng tín dụng số: 75215/ĐTD/SME-DN/TCB TCB- Phú Lâm (Gọi tắt là hợp đồng 75215), các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ cùng các Phụ lục lịch trả nợ. Cụ thể như sau:

Tổng số tiền cho Công ty C vay: 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng;

Tổng số tiền thực tế giải ngân: 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng;

Thời hạn vay: 48 tháng;

Phương thức: Vay trung, dài hạn;

Mục đích: Mua xe ô tô.

Các khoản vay trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm:

Xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 52U- 8906, số khung: 3A2V9HO00314, số máy: K5-123078, Đăng ký xe ô tô số: 115720 do Phòng Cảnh sát Giao thông- Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2009 thuộc quyền sở hữu của Công ty C theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 75211/HĐTC-TSTL/TCB ngày 02/7/2009 được công chứng tại Phòng Công chứng Số 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 11843.

Xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 52U- 9732, số máy: G4HG-8428702, số khung: 24339C001003, Đăng ký xe ô tô số: 119881 do Phòng Cảnh sát Giao thông- Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2009 thuộc quyền sở hữu của Công ty C theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 75215/HĐTC-TSTL/TCB ngày 17/7/2009 được công chứng tại Phòng Công chứng Số 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 13064.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tháng 05/2013, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện yêu cầu Công ty C trả nợ. Đến tháng 07/2014, Ngân hàng đã nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, Ngân hàng đã rút yêu cầu kê biên, phát mãi đối với tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 52U- 8906, số khung: 3A2V9HO00314, số máy: K5-123078, Đăng ký xe ô tô số: 115720 do Phòng Cảnh sát Giao thông- Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2009 vì chiếc xe này đã được bán đấu giá để thực hiện việc trả nợ gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng 75211.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty C phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/7/2018 là: 1.150.806.273 đồng (Bao gồm nợ gốc của hai hợp đồng là: 193.737.227 đồng, nợ lãi của hai hợp đồng là: 957.069.046 đồng), yêu cầu Công ty C trả số tiền trên làm một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp

luật.

- Buộc Công ty C tiếp tục phải trả các khoản tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ cùng các Phụ lục lịch trả nợ nói trên kể từ ngày 31/7/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- Trường hợp Công ty C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm là: Xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 52U- 9732, số máy: G4HG-8428702, số khung: 24339C001003, Đăng ký xe ô tô số: 119881 do Phòng Cảnh sát Giao thông- Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2009 thuộc quyền sở hữu của Công ty C theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 75215/HĐTC-TSTL/TCB ngày 17/7/2009 được công chứng tại Phòng Công chứng Số 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 13064.

- Nếu sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Công ty C tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

Ngân hàng TMCP K đã nộp các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Giấy phép hoạt động;
- Điều lệ hoạt động;
- Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Giấy ủy quyền của Giám đốc trung tâm xử lý nợ miền nam- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C;
- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 75211/HĐTD/TH-PN/TCB- Phú Lâm ngày 02/7/2009;
- Hợp đồng tín dụng số: 75215/ĐTD/SME-DN/TCB TCB- Phú Lâm ngày 17/7/2009;
- Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ;
- Phụ lục lịch trả nợ;
- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 75211/HĐTC-TSTL/TCB ngày 02/7/2009;
- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 75215/HĐTC-TSTL/TCB ngày 17/7/2009.

** Đối với bị đơn- Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C:*

Tại bản khai ngày 18/7/2014 và biên bản hòa giải ngày 18/7/2014, ông Quách Thọ N- Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C (Gọi tắt là Công ty C) trình bày:

Công ty C xác nhận về thời gian ký kết hợp đồng tín dụng, nội dung hợp đồng, số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay, tài sản thế chấp, quá trình thực hiện

hợp đồng như trình bày của Ngân hàng. Trong quá trình vay Công ty C thanh toán được 04 kỳ của 02 hợp đồng tín dụng, sau đó thì ngưng. Ngân hàng đã phát mãi xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 52U-8906 để thu hồi một phần nợ vay của hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 75211/HĐTD/TH-PN/TCB- Phú Lâm ngày 02/7/2009. Nay Công ty C sẽ kiểm tra lại và đồng ý thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại và số tiền lãi trên nợ gốc còn nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

Sau phiên hòa giải nói trên, Công ty C không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Công ty C cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng minh nhân dân mang tên Quách Thọ N.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử…được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn;

- Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn đối với phần lãi suất phạt của hai hợp đồng tín dụng;

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc: Yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 52U-8906, số khung: 3A2V9HO00314, số máy: K5-123078, Đăng ký xe ô tô số: 115720 do Phòng Cảnh sát Giao thông- Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2009 thuộc quyền sở hữu của Công ty C theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 75211/HĐTC-TSTL/TCB ngày 02/7/2009 được công chứng tại Phòng Công chứng Số 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 11843.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về pháp luật tố tụng:*

Ngày 02/7/2009 và ngày 17/7/2009, Ngân hàng TMCP K (Gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C (Gọi tắt là Công ty C) xác lập hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 75211/HĐTD/TH-PN/TCB-Phú Lâm, hợp đồng tín dụng số: 75215/ĐTD/SME-DN/TCB TCB- Phú Lâm cùng các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ, các Phụ lục lịch trả nợ để cho Công ty C vay số tiền lần lượt là 300.000.000 đồng và 200.000.000 đồng. Do Công ty C không thanh toán đúng số tiền như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Công ty C là bị đơn, có trụ sở tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Công ty C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty C.

[2]. *Về pháp luật nội dung*:

2.1. Xét các yêu cầu của Ngân hàng về việc:

Buộc Công ty C trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 75211/HĐTD/TH-PN/TCB-Phú Lâm (Gọi tắt là hợp đồng 75211), hợp đồng tín dụng số: 75215/ĐTD/SME-DN/TCB TCB- Phú Lâm (Gọi tắt là hợp đồng 75215), các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ cùng các Phụ lục lịch trả nợ tạm tính đến ngày 30/7/2018 là 1.150.806.273 đồng (Bao gồm nợ gốc là 193.737.227 đồng, nợ lãi là 957.069.046 đồng), yêu cầu Công ty C trả số tiền trên làm một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Buộc Công ty C tiếp tục phải trả các khoản tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ cùng các Phụ lục lịch trả nợ nói trên kể từ ngày 31/7/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc ký hợp đồng 75211, hợp đồng 75215 cùng các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ và Phụ lục lịch trả nợ giữa các bên là tự nguyện, trừ phần thỏa thuận về lãi suất phạt tại Điều 5 của hai hợp đồng trên bị vô hiệu thì các nội dung thỏa thuận của các bên không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997.

Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên cần buộc Công ty C thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu Công ty C trả tiền lãi suất phạt của hai hợp đồng là 302.066.218 đồng, thỏa thuận này vi phạm quy định tại Điều 51 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Như vậy, số tiền tạm tính đến ngày 30/7/2018, Công ty C phải trả cho Ngân hàng như sau:

Đối với hợp đồng 75211, nợ gốc là: 32.657.227 đồng, lãi trong hạn: 97.589.865 đồng, lãi quá hạn: 167.481.425 đồng;

Đối với hợp đồng 75215, nợ gốc là: 161.080.000 đồng, lãi trong hạn: 64.787.469 đồng, lãi quá hạn: 325.144.069 đồng.

Tổng cộng là: 848.740.055 (Tám trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng.

Cần buộc Công ty C trả số tiền 848.740.055 (Tám trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và Công ty C tiếp tục phải trả các khoản tiền lãi (Không phải trả lãi suất phạt) theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cùng các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ và Phụ lục lịch trả nợ nói trên kể từ ngày 31/7/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2.2. Xét các yêu cầu của Ngân hàng về việc:

Trường hợp Công ty C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm là: Xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 52U- 9732, số máy: G4HG-8428702, số khung: 24339C001003, Đăng ký xe ô tô số: 119881 do Phòng Cảnh sát Giao thông- Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2009 thuộc quyền sở hữu của Công ty C theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 75215/HĐTC-TSTL/TCB ngày 17/7/2009 được công chứng tại Phòng Công chứng Số 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 13064.

Nếu sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Công ty C tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Các yêu cầu này là phù hợp quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Đối với yêu cầu về việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Ngày 07/7/2017, Ngân hàng đã nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu kê biên, phát mãi đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 52U- 8906, số khung: 3A2V9HO00314, số máy: K5-123078, Đăng ký xe ô tô số: 115720 do Phòng Cảnh sát Giao thông- Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2009 thuộc quyền sở hữu của Công ty C do trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã bán đấu giá để trừ vào nợ gốc của hợp đồng 75211. Công ty C đồng ý việc phát mãi tài sản và xác nhận

nghĩa vụ trả nợ còn lại cho Ngân hàng nên cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với các yêu cầu được Tòa án chấp nhận và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận (Phần lãi suất phạt là 302.066.218 đồng).

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; 54; 56 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997;

Căn cứ vào Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Ngân hàng TMCP K:

- Buộc Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm tính đến ngày 30/7/2018 là 848.740.055 (Tám trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng, gồm:

+ Nợ gốc theo hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 75211/HĐTD/TH-PN/TCB- Phú Lâm ngày 02/7/2009 và các Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 02/7/2009, Phụ lục lịch trả nợ số 75211 ngày 02/7/2009 là: 32.657.227 (Ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi bảy) đồng, lãi trong hạn: 97.589.865 (Chín mươi bảy triệu năm trăm tám mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi lăm) đồng, lãi quá hạn: 167.481.425 (Một trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi mốt nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng;

+ Nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số: 75215/ĐTD/SME-DN/TCB TCB- Phú Lâm ngày 17/7/2009 cùng Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 17/7/2009, Phụ lục lịch trả nợ số 75215 ngày 17/7/2009 là: 161.080.000 (Một trăm sáu mươi mốt triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng, lãi trong hạn: 64.787.469 (Sáu mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi chín)

đồng, lãi quá hạn: 325.144.069 (Ba trăm hai mươi lăm triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi chín) đồng;

Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C tiếp tục phải trả các khoản tiền lãi (Không phải trả lãi suất phạt) theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ, Phụ lục lịch trả nợ mà các bên đã ký kể từ ngày 31/7/2018 cho đến khi Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C thanh toán xong các khoản nợ.

- Trường hợp Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm là: Xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 52U-9732, số máy: G4HG-8428702, số khung: 24339C001003, Đăng ký xe ô tô số: 119881 do Phòng Cảnh sát Giao thông- Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2009 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 75215/HĐTC-TSTL/TCB ngày 17/7/2009 được công chứng tại Phòng Công chứng Số 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 13064, quyển số: 07TP/CC-SCC/HĐGD.

- Nếu sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K thì Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP K cho đến khi hết nợ.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C phải trả cho Ngân hàng TMCP K tiền lãi suất phạt của hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 75211/HĐTD/TH-PN/TCB- Phú Lâm ngày 02/7/2009 và hợp đồng tín dụng số: 75215/ĐTD/SME-DN/TCB TCB- Phú Lâm ngày 17/7/2009 với số tiền là 302.066.218 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kê biên, phát mãi đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 52U- 8906, số khung: 3A2V9HO00314, số máy: K5-123078, Đăng ký xe ô tô số: 115720 do Phòng Cảnh sát Giao thông- Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2009 thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Thương mại- Dịch vụ C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 37.462.202 (Ba mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm lẻ hai) đồng.

Ngân hàng TMCP K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.103.311 (Mười lăm triệu một trăm lẻ ba nghìn ba trăm mười một) đồng nhưng được cấn trừ vào

tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.214.481 (Mười lăm triệu hai trăm mười bốn nghìn bốn trăm tám mươi mốt) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2011/07424 ngày 16/10/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng TMCP K được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 111.170 (Một trăm mười một nghìn một trăm bảy mươi) đồng.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tĩnh